

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 21/4/2026)

1.1. Lưu vực sông Hồng

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến ít mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái ít biến đổi so với tuần trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 78%. + Trên sông Lô: Lưu lượng dòng chảy tại trạm Tuyên Quang cao hơn so với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 48%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình dao động theo điều tiết của thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy tương đương so với 7 ngày trước. So với TBNN, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN 36%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội trong tuần qua cao hơn TBNN cùng kỳ 36%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 10-30mm, có nơi trên 50mm.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Thao: Tổng lượng dòng chảy tại trạm Yên Bái ít biến đổi và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 80%. + Trên sông Lô: Dòng chảy tại trạm Tuyên Quang sẽ cao hơn với tuần trước, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 35%. + Trên sông Đà: Dòng chảy đến hồ Hòa Bình có xu thế giảm so với 7 ngày trước; tổng lượng dòng chảy ở mức cao hơn so với TBNN khoảng 16%. + Trên sông Hồng: Dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội sẽ biến đổi chậm và chịu ảnh hưởng thủy triều. Tổng lượng dòng chảy hạ lưu sông Hồng tại trạm Hà Nội dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ 16%.

1.2. Lưu vực sông Thái Bình

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa.
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Cầu, lưu lượng dòng chảy có dao động nhỏ; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bả tương đương so với tuần trước và cao hơn so với TBNN cùng

kỳ 303%.

+ Trên sông Lục Nam: dòng chảy trên sông Lục Nam biến đổi chậm theo xu thế xuống; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ thấp hơn so với kì trước và thấp hơn so với TBNN cùng kỳ 72%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-50mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Cầu, dòng chảy tại trạm Gia Bảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy xấp xỉ kì trước và cao hơn so với TBNN cùng kỳ 160%.

+ Trên sông Lục Nam, dòng chảy biến đổi chậm; tổng lượng dòng chảy tại trạm Chũ dự báo ít biến đổi so với kì trước và thấp hơn TBNN cùng kỳ 73%.

1.3. Các lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 6%, sông Cả tại trạm Yên Thượng ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Sâu tại trạm Hòa Duyệt cao hơn khoảng 9%, sông Ngàn Phố tại trạm Sơn Diệm thấp hơn khoảng 91%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN cùng kỳ 495%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 20-50mm, có nơi trên 100mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trong những ngày tới, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại trạm Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ 10%, sông Cả tại trạm Yên Thượng ở mức xấp xỉ TBNN cùng kỳ, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 81%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt cao hơn khoảng 23%.

+ Trên các sông từ Quảng Trị đến TP Huế: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch tại

trạm Thượng Nhật cao hơn TBNN 395%.

1.4. Các lưu vực sông thuộc khu vực Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Trong tuần, lưu lượng dòng chảy trên các sông ít biến đổi. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn (TP Đà Nẵng) tại trạm Nông Sơn xấp xỉ TBNN cùng kỳ và sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) tại trạm Sơn Giang cao hơn TBNN cùng kỳ 118%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần, mực nước trên các sông biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy so với TBNN trên sông An Lão (Gia Lai) tại trạm An Hòa cao hơn 37%, sông Ba (Đăk Lăk) tại trạm Củng Sơn thấp hơn 38%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) tại trạm Đồng Trăng cao hơn 33%, sông Lũy (Lâm Đồng) tại trạm Sông Lũy cao hơn 69% , sông La Ngà (Lâm Đồng) tại trạm Tào Pao thấp hơn 78%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-25mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên các sông từ Đà Nẵng đến Quảng Ngãi: Dòng chảy trên các sông ít biến đổi và thấp hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thu Bồn tại trạm Nông Sơn cao hơn TBNN 9%, sông Trà Khúc tại trạm Sơn Giang cao hơn 96%.

+ Trên các sông từ Gia Lai đến Lâm Đồng: Trong tuần tới mực nước trên các sông tiếp tục biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại trạm Củng Sơn thấp hơn so với TBNN 43% và sông Cái Nha Trang tại trạm Đồng Trăng cao hơn so với TBNN 39%.

1.5. Lưu vực sông Mê Công

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến ít mưa.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần vừa qua, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana ở mức thấp hơn so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN

cùng kỳ 65%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 15%.
+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến 5-20mm, có nơi trên 50mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên lưu vực sông Sê San và Srêpôk: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy đến sông Đăkbla và sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn biến đổi ở mức tương đương so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 65%, trên sông Krông Ana tại trạm Giang Sơn thấp hơn 9%.

+ Sông Cửu Long: Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi chậm, trên sông Tiền tại trạm Tân Châu cao hơn TBNN 33%, trên sông Hậu tại trạm Châu Đốc cao hơn TBNN 7%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/04/2026.

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/04/2026

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	
Lưu vực sông Hồng	Tam Đường	0	<100	0	5.2	4.1	3.9	17.9	5.9	3.2	40.2	>10
	Sơn La	0	<100	0	1.1	26.2	12.6	15.9	10.8	1.9	68.5	>192
	Hòa Bình	0	<100	0	2.5	4.2	0.7	6.5	2.1	1.3	17.3	<11
	Lào Cai	0	<100	1.1	11	5.4	1.8	23.4	3.4	1.3	47.4	>109
	Yên Bái	0	<100	0.3	9.2	4.6	1.5	20.4	3.7	1.9	41.6	>62
	Tuyên Quang	0	<100	0.2	8.5	4	1.1	20.4	1.7	1.2	37.1	>57
	Hà Giang	0	<100	1	16.4	5.3	1.7	6.3	2.1	0.9	33.7	>63
	Láng	0	<100	0	1.5	5.8	1	1.8	1.8	0.9	12.8	>3
	Thái Bình	0	<100	0.1	1.9	8.8	0.8	0.8	0.6	0.1	13.1	>20
	Nam Định	0	<100	0	1.5	10.5	0.9	1.6	3.4	1.6	19.5	>33
Lưu vực sông Thái Bình	Bắc Cạn	0	<100	0.2	8.5	4	1.1	20.4	1.7	1.2	37.1	>83
	Thái Nguyên	0	<100	0.2	2.3	4	1.8	5.3	2.5	1.4	17.5	<11
	Bắc Ninh	0	<100	0	1.5	5.8	1	1.8	1.8	0.9	12.8	>2
	Lạng Sơn	0	<100	0	5.2	7.4	0.9	1.4	4.4	0.4	19.7	>39
	Bắc Giang	0	<100	0.2	2.3	4	1.8	5.3	2.5	1.4	17.5	>46
	Hải Dương	0	<100	0	1.4	6.6	1.2	1.3	1.5	0.1	12.1	<12
Lưu vực sông thuộc khu vực Bắc Trung Bộ	Hồi Xuân	0	<100	0	1.5	5.8	19.4	14.6	21.2	19	81.5	>364
	Bái Thượng	0	<100	0	1.3	10.6	0.5	1.2	1.8	1.2	16.6	<23
	Thanh Hóa	0	<100	0	1.3	10.6	0.5	1.2	1.8	1.2	16.6	>53
	Quỳ Châu	0	<100	0	0.1	10	15.5	14	15.2	6.6	61.4	>206
	Cửa Rào	0	<100	0	0	9.3	15.7	26.8	14.6	4.9	71.3	>439
	Đô Lương	0	<100	0	0	12.6	6.6	18.2	6.6	2.9	46.9	>236

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	
	Vinh	0	<100	0	0	12.6	6.6	18.2	6.6	2.9	46.9	>378
	Hương Sơn	0	<100	0	0	6.5	7.9	13.5	8.7	5.7	42.3	>122
	Hương Khê	0	<100	0	0.7	29.7	5.8	24.8	8	6.4	75.4	>371
	Hà Tĩnh	0	<100	0	0.1	17.1	4.3	17.9	5.3	1.5	46.2	>388
	Đông Hới	0	<100	0	0.6	7.9	3.7	14.8	7.3	4.6	38.9	>344
	Quảng Trị	0	<100	0	0.4	2.7	1.5	13.2	7.7	8.1	33.6	>214
	Nam Đông	0	<100	3	32.4	6.8	6.6	42.3	5.1	25.4	121.6	>572
	Huế	0	<100	0	0.6	2.6	1.5	4.5	2.2	3	14.4	>20
Lưu vực thuộc khu vực Nam Trung Bộ	Đà Nẵng	0	<100	8.5	3.1	0.4	0.8	2	3.8	2.2	20.8	>180
	Trà My	0	<100	2.6	32.8	0.2	1.5	1.3	1.8	1.8	42	>108
	Ba Tơ	0	<100	4	4.3	1.5	2.1	0	1	0.8	13.7	>92
	Quảng Ngãi	0	<100	4	4.3	1.5	2.1	0	1	0.8	13.7	>251
	Quy Nhơn	0	<100	0	0.5	0.8	0	0	0	0	1.3	<61
	An Khê	0	<100	1.8	11.5	0.4	0	0.3	3.2	0.6	17.8	>62
	Tuy Hòa	0	<100	0	0.2	0.1	0	0	0	0	0.3	<96
	Nha Trang	0	<100	0	0.3	0.8	0.2	0	0	0	1.3	<78
Lưu vực sông Mê Công	Kon Tum	0	<100	6.8	13.3	4	18.2	5.7	9.6	12.5	70.1	>160
	Lắk	4.7	<72	6.8	32.1	12.1	1.1	2.5	1	6.8	62.4	>254
	Buôn Mê Thuột	0	<100	1.1	6.3	1	0.7	0.5	3.1	2.5	15.2	<7
	Biên Hòa	0	<100	0.5	0.5	0.4	1.3	0.2	0.3	0.2	3.4	<81
	Cần Thơ	0	<100	0	0	0	2.3	0.4	1.4	0.8	4.9	<7

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/04/2026

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 08/03 đến 14/03	So sánh TBNN (%)	Dự báo								So sánh TBNN (%)
				15/03	16/03	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	Tổng	
Thao	Yên Bái	30	<78	4.3	4.3	4.2	4.2	4.3	4.3	4.3	30	<80
Lô	Tuyên Quang	95.62	<48	23	22	22	23	20	17.0	17	143	<35
Đà	Hồ Hòa Bình	655.65	>36	125.3	112.3	90.7	69.1	56.2	82.1	108	643.7	>16
Hồng	Hà Nội	896	>36	111.37	116	121	121	125	125.0	130	850	>16
Cầu	Gia Bảy	58.06	>303	7.86	7.45	7.31	7.17	7.05	6.9	7.17	50.94	>160
Lục Nam	Chũ	1.21	<72	0.14	0.15	0.14	0.14	0.14	0.1	0.14	0.99	<73
Mã	Cắm Thủy	87.9	> 6%	12.72	12.99	13.12	14.06	15.13	13.5	12.19	93.74	> 10%
Cả	Yên Thượng	108.3	~ TBNN	15.59	15.92	16.09	17.24	18.55	16.6	14.94	114.91	~ TBNN
La	Hòa Duyệt	25.8	> 9%	3.94	4.02	4.06	4.35	4.69	4.2	3.77	29.0304	> 23%
Tả Trạch	Thượng Nhật	14.4	> 495	1.8	1.7	1.8	1.8	1.7	1.6	1.5	11.9	> 395
Thu Bồn	Nông Sơn	54	~ TBNN	9.9	9.5	9.7	7.6	6.9	5.6	5.2	54.4	> 9
Trà Khúc	Sơn Giang	75	> 118	11.1	10.4	9.9	9.5	8.9	8.7	8.2	66.7	> 96
Ba	Cung Sơn	14.27	<38	1.9	1.9	1.81	1.81	1.81	1.7	1.73	12.69	<43
Cái Nha Trang	Đông Trắng	16.93	>33	2.42	2.42	2.38	2.33	2.29	2.3	2.25	16.34	>39

Sông	Trạm	Thực đo từ ngày 08/03 đến 14/03	So sánh TBNN (%)	Dự báo								
				15/03	16/03	17/03	18/03	19/03	20/03	21/03	Tổng	So sánh TBNN (%)
ĐăkBlá	KonTum	6.45	< 65	1	0.98	0.95	0.97	0.94	0.9	0.98	6.7	< 65
Srêpôk	Giang Sơn	9.57	< 15	1.4	1.38	1.37	1.43	1.45	1.5	1.54	10.1	< 9
Tiền	Tân Châu			383	368	346	326	321	327.0	331	2399	>33
Hậu	Châu Đốc			51	45	42	41	39	41.0	43	302	>7